

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẠC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/DS-ST

Ngày: 30 - 9 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẠC TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Bùi Trung Thành

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 74/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Dương Văn T; sinh năm: 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:**

1. Anh Phạm Văn T1; sinh năm: 1984; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Trương Thị L; sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt anh T, vắng mặt anh T1, chị L. Anh T1, chị L vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Dương Văn T trình bày: Ngày 14/12/2022, anh Phạm Văn T1 và chị Trương Thị L (ghi tên trong Giấy vay tiền là Hoàng Hà L1) cần tiền lo cho người thân bị tai nạn có vay anh số tiền là 50.000.000đ, có thể

chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 103552 để làm tin, hạn đến ngày 30/12/2022 sẽ trả tiền. Nhưng đến nay, anh đòi nhiều lần nhưng vẫn không trả nợ. Anh có trình báo cơ quan công an và biết chị **Trương Thị L** dùng thông tin cá nhân giả là **Hoàng Hà L1** để vay tiền anh. Nay anh làm đơn này yêu cầu Toà án buộc anh **Phạm Văn T1** và chị **Trương Thị Liên** thanh toán cho anh số tiền nợ gốc là 50.000.000đ và lãi tính 0,8%/tháng từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/09/2024 là 20 tháng: $20 \times 50.000.000đ \times 0,8\% = 8.000.000đ$. Tổng tiền gốc và lãi anh **T1** và chị **L** phải thanh toán cho anh tính đến ngày 01/09/2024 là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh **Phạm Văn T1** trình bày: Vợ chồng anh có vay của anh **Dương Văn T** số tiền là 50.000.000đ, không may vợ chồng anh làm ăn bị thua lỗ, vợ chồng anh đã xin khát nợ do công việc chưa ổn định, hai bên thoả thuận lãi suất bằng miệng là 3.000đ/triệu/ngày, không ghi vào giấy vay tiền. Hiện vợ chồng anh đang đi làm để trả nợ. Trong Giấy vay tiền vợ anh có viết tên thường gọi là **Hoàng Hà L1**, tên thật là **Trương Thị L**.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập họp lệ chị **Trương Thị L** để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của anh **Dương Văn T** nhưng chị **L** không có mặt nên không có lời khai của chị **L** và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); anh **T** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh **T1** không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, chị **L** không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Về giao nhận, tổng đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh **Phạm Văn T1** và chị **Trương Thị L** phải trả cho anh **Dương Văn T** tổng số tiền nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 01/09/2024 là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng). Anh **T1** và chị **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh **Dương Văn T** khởi kiện yêu cầu anh **Phạm Văn T1** và chị **Trương Thị L**, cư trú tại **Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** trả số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Anh **T** có giao nộp cho Toà án 01 (Một) Giấy vay tiền có chữ ký của anh **Phạm Văn T1** và chị **Hoàng Hà L1**. Đây là bản chính, có nội dung rõ ràng, có số tiền cụ thể được viết cả bằng số và bằng chữ, có chữ ký của anh **T1** và chị **L1**. Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 BLTTDS được coi là chứng cứ.

Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh **T1**, chị **L** không có mặt nên Toà án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **T1**, chị **L** theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh **T1**, chị **L** đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh **T1**, chị **L** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án đã triệu tập họp lệ anh **Phạm Văn T1** và chị **Trương Thị L** lần thứ hai đến Toà án để tham gia phiên toà nhưng anh **T1**, chị **L** vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh **T1**, chị **L**.

[2] Về nội dung: Trong giấy vay tiền, có ghi nội dung: Hôm nay, ngày 14/12/2022, tên tôi là **Phạm Văn T1**, người thừa kế là **Hoàng Hà L1** là vợ, có vay của anh **Dương Văn T** số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), vay từ ngày 14/12/2022 - 30/12/2022 hoàn trả lại đầy đủ số tiền, bên dưới có chữ ký của anh **Phạm Văn T1**, chị **Hoàng Hà L1**.

Như vậy, do nhu cầu cần tiền nên anh **Phạm Văn T1**, chị **Hoàng Hà L1** có vay tiền của anh **T**, việc vay tiền giữa anh **T1**, chị **L1** và anh **T** là có thực, nội dung của hợp đồng không trái pháp luật, được thể hiện bằng văn bản. Đây là hợp đồng hợp pháp được chấp nhận.

Tuy trong Giấy vay tiền ghi người vay là **Hoàng Hà L1**, tuy nhiên cả anh **T** và anh **T1** đều khẳng định người vay là chị **Trương Thị L** vợ của anh **T1**, do chị **L** viết tên thường gọi là **Hoàng Hà L1**.

Ngoài ra, trong quá trình Toà án giải quyết, đã nhiều lần triệu tập, thông báo cho chị **Trương Thị L** lên làm việc về yêu cầu khởi kiện của anh **T** nhưng chị **L** đều không có ý kiến gì.

Từ những đánh giá nêu trên, khẳng định: Anh **Phạm Văn T1** và chị **Trương Thị L** có vay tiền của anh **Dương Văn T**, tổng số tiền gốc anh **T1**, chị **L** nợ của anh **T** là: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

[3] Về tiền lãi:

Anh **T1** trình bày: Hai bên thoả thuận lãi suất bằng miệng là 3.000đ/triệu/ngày, không ghi vào giấy vay tiền. Tuy nhiên anh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện hai bên thoả thuận lãi suất và đã trả tiền lãi theo lãi suất 3.000đ/triệu/ngày nên không có cơ sở chấp nhận.

Anh **T** yêu cầu anh **T1**, chị **L** trả tiền lãi tính 0,8%/tháng từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/09/2024 là 20 tháng: $20 \times 50.000.000đ \times 0,8\% = 8.000.000đ$.

Xét thấy, trong giấy vay tiền ghi thời hạn trả nợ là ngày 30/12/2022. Trong giấy vay tiền không có ghi mức lãi suất cho vay. Nay, anh **T** yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/09/2024 là 20 tháng với mức lãi suất 0,8%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (sau đây viết tắt là BLDS) nên chấp nhận.

[4] Về số tiền anh **T1**, chị **L** phải trả cho anh **T**: Anh **T1**, chị **L** có trách nhiệm trả cho anh **T** số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/09/2024 là $20 \times 50.000.000đ \times 0,8\% = 8.000.000đ$. Tổng số tiền gốc và lãi anh **T1**, chị **L** phải trả cho anh **T** tính đến ngày 01/09/2024 là 58.000.000đ (Năm mươi bốn triệu đồng). Căn cứ Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 BLDS: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **T**.

[5] Đối với nội dung thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 103552 để làm tin, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Anh **T1**, chị **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu khởi kiện của anh **T** được chấp nhận nên anh **T** không phải chịu án phí. Trả lại anh **T** số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463; 465; 466; 468; 470; 357 BLDS; các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh **Phạm Văn T1** và chị **Trương Thị L** phải trả cho anh **Dương Văn T** tổng số tiền nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 01/09/2024 là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng), trong đó tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh **T** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng anh **T1**, chị **L** còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Anh **Phạm Văn T1** và chị **Trương Thị L** phải chịu 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Dương Văn T số tiền 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0004165 ngày 28/12/2023.

Án xử công khai sơ thẩm. Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T1, chị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thịnh